TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2018.
V/v tranh chấp HNGĐ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Phụng.

2. Bà Bùi Phương Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/5/2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1980

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hoài N, sinh năm 1979

Nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Khu tập thể X, tổ 01, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2018, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Đỗ Thị D trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Phạm Hoài N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình ngày 06/11/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2008 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế gia đình khó khăn. Sau đó anh N bỏ đi cho đến nay không có tin tức gì, không ai biết anh N làm gì, ở đâu. Chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh N mất tích. Tại quyết định tuyên bố một người mất tích số 03/2018/QDDS-ST ngày 11/4/2018, Tòa án nhân dân thành phố T đã tuyên bố anh Phạm Hoài N mất tích. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Hoài N.

Về con chung: Chị và anh N có một con chung là Phạm Trung H, sinh ngày 03/3/2008, hiện nay con đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Trung H, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty C, khu công nghiệp P, thành phố T, thu nhập bình quân hàng tháng của chị là 3.400.000 đồng, chị đang ở nhà cùng bố mẹ đẻ, bố mẹ chị sẽ hỗ trợ chị trong việc nuôi dạy và chăm sóc con, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con.

Về tài sản chung: Chị và anh N không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, cũng không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*/ Ông Dương Công K – Tổ trưởng tổ dân phố số 01, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình cung cấp:

Anh Phạm Hoài N, sinh năm 1979 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu tập thể X, tổ 01, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Chị Đỗ Thị D và anh Phạm Hoài N đăng ký kết hôn và sinh sống tại khu tập thể X khoảng 04 năm, trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn nên anh N đã bỏ đi nhiều năm nay, chị D đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình sinh sống. Ngày 11/4/2018, Tòa án nhân dân thành phố T đã ra quyết định tuyên bố anh Phạm Hoài N mất tích. Từ khi anh N bỏ đi và từ khi Tòa án ra quyết định anh N mất tích cho đến nay anh N không trở về nơi cư trú (khu tập thể X), không có mặt tại địa phương, không ai có tin tức gì của anh N, không ai biết hiện nay anh N làm gì, ở đâu. Việc chị D xin ly hôn anh N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*/ Công an phường L, thành phố T cung cấp thông tin như sau:

Anh Phạm Hoài N, sinh năm 1979 vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu tập thể X, tổ 01, phường L, thành phố T, anh N chưa chuyển khẩu đi nơi khác. Số sổ họ khẩu của anh N là 1410, sổ KV2 do Công an phường L, thành phố T

quản lý. Hiện nay anh N không cư trú tại địa chỉ trên, anh N đang cư trú ở đâu thì Công an phường L không biết.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51; khoản 2 điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Phạm Hoài N.

+ Về nuôi con chung: Xử giao con Phạm Trung H, sinh ngày 03/3/2008 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung: Do anh N chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

+ Chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn là chị Đỗ Thị D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn là anh Phạm Hoài N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Đỗ Thị D và anh Phạm Hoài N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và kinh tế gia đình khó khăn, anh N đã bỏ đi nhiều năm nay, không có tin tức gì, không ai biết anh N làm gì, ở đâu. Chị D đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh N mất tích. Tại quyết định số 03/2018/QDDS-ST ngày 11/4/2018, Tòa án nhân dân thành phố T đã tuyên bố anh Phạm Hoài N mất tích. Do đó cần áp dụng khoản 2 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Phạm Hoài N là đúng pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị D và anh N có một con chung là Phạm Trung H, sinh ngày 03/3/2008, hiện nay con đang ở cùng chị D. Ly hôn, chị đề nghị

được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Trung H, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con. Chị D đã trình bày điều kiện để nuôi con. Xét đề nghị của chị D, Hội đồng xét xử thấy: Nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị D là chính đáng, chị D có đủ điều kiệnvề thu nhập, chỗ ở để nuôi dưỡng và chăm sóc con, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Mặt khác, bố mẹ đẻ chị sẽ hỗ trợ chị trong việc chăm sóc, do đó cần xử giao con Phạm Trung H cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con.

[4] Về tài sản: Do anh N chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51; khoản 2 điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Phạm Hoài N.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con Phạm Trung H, sinh ngày 03/3/2008 cho chị Đỗ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Chị D và anh N có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này, khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0007002 ngày 03/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Thái Bình;
- Chi cục THADS TPT;
- UBND phường L, TPT;
- UBND xã M, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái